

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành (đoạn qua xã Long Thành) - đợt 2
(Danh sách kèm theo Phương án số/PA-TTPTQB.CNLT.N1 ngàytháng năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
							Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
							Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
1	2	3			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Phụng	F38, Kp2, P. Trán Biên, tỉnh Đồng Nai	44	373, 414	1.520,9	184,9	184,9						30.734.900					4.000.000	34.734.900	
2	Lê Văn Định - Nguyễn Thị Trang	Áp Long Phú, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	230	29	160,2	20,9	8,8		12,1	12,1			164.112.300	125.656.954	116.400	3.600.000		16.000.000	309.485.654	
3	Nguyễn Chính Nhân	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	105	240,8	42,7	42,7						31.607.394					4.000.000	35.607.394	
4	Đào Nguyễn Trúc Quỳnh	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	106	388,5	178,1	178,1						131.833.182	596.144.800	1.104.646	5.749.600		20.000.000	754.832.228	
5	Nguyễn Thị Hương	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	104	208,4	21,4	21,4						15.840.708					2.000.000	17.840.708	
6	Phạm Thành Đạt	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	25	284,3	82,6	82,6						295.941.500			3.674.500		16.000.000	315.616.000	
7	Trần Minh Thành	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	24	90,5	62,8	62,8						46.485.816	7.152.640	3.817.453			8.000.000	65.455.909	
8	Nguyễn Thị Em	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	229	91	685,2	52,9	52,9						39.157.638	12.115.656	8.435.004	15.850.000		8.000.000	83.558.298	
9	Nguyễn Thị Thanh Phương	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	102	268,7	91,2			91,2	91,2			1.110.816.000	414.356.020				20.000.000	1.545.172.020	
10	Nguyễn Ngọc Nữ	Áp Cầu Xéo, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	44	412	1.691,9	141,7	141,7						284.533.600		2.364.643			16.000.000	302.898.243	
11	Nguyễn Thị Phước	Tổ 2, Kp. Gò Me, P. Trán Biên, tỉnh Đồng Nai	44	415	648,8	44,3	44,3						32.808.580		88.000			4.000.000	36.896.580	
12	Phạm Đình Dũng - Lê Thị Thu Thủy	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	101	231,6	51,4	28,6		22,8	22,8			335.118.500	157.219.664		5.100.000		16.000.000	513.438.164	
13	Trần Minh Hải	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	23	401,5	21,9	21,9							9.022.190	57.934			2.000.000	11.080.124	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thương đi dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
							Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
							Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
14	Trần Thị Bích Ngân	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	26	332,8	117,6	117,6							224.105.715	958.000			16.000.000	241.063.715	
15	Huỳnh Thế Phương	16/4 đường 53, ấp Tiên, xã Cù Chi, Tp.HCM	228	108, 160a	36,3	36,3	36,3						26.869.986					4.000.000	30.869.986	
16	Nguyễn Thị Đi	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	228	212	95,1	22,6			22,6	22,6			275.268.000	56.974.952			5.100.000	16.000.000	353.342.952	
17	Nguyễn Quốc Vương - Trần Thị Kim Liên	Áp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	30	450,2	13,5	13,5						27.101.250	45.585.760			3.600.000	8.000.000	84.287.010	
18	Đặng Thị Ánh	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	230	40	970,0	15,7	15,7						31.517.750	5.876.300				4.000.000	41.394.050	
19	Nguyễn Minh Quang - Nguyễn Thị Thu Trang	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	229	9	96,9	31,5	31,5						63.236.250	63.609.600			1.697.900	12.000.000	140.543.750	
20	Nguyễn Mai Văn - Bùi Thị Bích Nhuận	Áp Văn Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	44	106, 86	314,5	314,5	314,5	314,5					1.169.967.700					12.000.000	1.181.967.700	hộ dân để nghị thu hồi 98,5m ²
21	Trần Văn Phi	Tổ 10, ấp 1, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	225	183	3.698,0	538,8	538,8	538,8					287.719.200		2.495.349			16.000.000	306.214.549	
22	Lê Văn Thạnh (vắng chủ)	Áp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	46	8, 11, 12	2.619,5	91,9	91,9	91,9					68.061.140						68.061.140	
23	Phạm Văn Công (vắng chủ)	Áp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	45	3	49,7	49,7	49,7	49,7					36.807.820						36.807.820	
24	Phạm Thị Ngọc Anh (TSTD Phạm Thành Đạt)	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai												124.091.960			2.096.000		126.187.960	
25	Nguyễn Thị Duyên (TSTD Đào Thị Trúc Quỳnh)	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai												177.602.140	1.508.900	6.420.000			185.531.040	
26	Nguyễn Thị Ái Vân (TSTD Nguyễn Chính Nhân)	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai												152.232.625			5.665.500		157.898.125	
27	Huỳnh Trung Trực (TSTD Nguyễn Thị Hương)	Áp 2, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai												60.159.228	116.400	9.171.000			69.446.628	
Cộng					15.484,3	2.228,9	2.080,2	994,9	148,7	148,7	-	-	4.505.539.214	2.231.906.204	21.062.729	67.724.500	-	224.000.000	7.050.232.647	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			7.050.232.647	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																			246.758.143	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thương đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
							Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
							Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
Trong đó: - Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:																			37.013.721	
- Kinh phí cho TTPTQD 2,975%:																			209.744.421	
Tổng cộng (1+2):																			7.296.990.790	
<i>Bảng chữ: Sáu tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi một đồng.</i>																				

LẬP BIỂU

KIỂM TRA

TỔ PHÓ TỔ BỒI THƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Kim Phượng

Lê Nguyễn Quang Vinh

Phan Lê Duy An

Mai Ngọc Thắng